TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2024/HC-ST
Ngày: 21-3-2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Hòa

2/ Ông Nguyễn Thành Châu

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Ngọc Tú Quyên-Thư ký Tòa án-Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Huỳnh Thanh Hải-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 09/2021/TLST-HC ngày 05/01/2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1033/2024/QĐXXST-HC ngày 29/02/2024, của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Ông Trần Văn T**, sinh năm 1936

Địa chỉ: H N, tổ C, khu phố H, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến M, sinh năm 1985 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Nguyễn Thế H-Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Cùng địa chỉ: Lầu C, tòa nhà T, 3 T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C**

2. **Ủy ban nhân dân huyện C**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P-Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Văn Ấ (có mặt)

- Ông Đinh Minh Q (có mặt)

3. **Ủy ban nhân dân thị trấn C**

Địa chỉ: A tỉnh lộ 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H1-Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ông Trần Văn Đ**;

2. **Ông Trần Văn Đ1**;

3. **Ông Trần Văn L**;

4. **Ông Trần Văn S**;

5. **Bà Trần Thị M1**;

6. **Bà Trần Thị G**;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn L, ông Trần Văn S, bà Trần Thị M1, bà Trần Thị G: Ông Trần Viết C, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: I T, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. **Bà Trần Thị H2**;

8. **Ông Trương Văn T1**;

Cùng địa chỉ: tổ C, khu phố H, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. **Ông Trần Minh H3**

Địa chỉ: B Chung cư N, G đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, ông T1, ông H3: Ông Lê Tiến M, sinh năm 1985 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H2, ông T1, ông H3: Luật sư Lê Nguyễn Thế H-Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Cùng địa chỉ: Lầu C, tòa nhà T, 3 T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1992, các bà Trần Thị Đ2, Trần Thị T2, Trần Thị T3, Trần Thị X và ông Trần Văn T4 tranh chấp đất trong thân tộc với ông Trần Văn T.

Vụ việc được Ủy ban nhân dân thị trấn C ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 14/CV.UB ngày 17/6/1993, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành

Quyết định giải quyết tranh chấp số 161/QĐ-UB ngày 03/6/1995 và Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 chia đất cho thân tộc ông Trần Văn T như sau:

+ Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T2 với diện tích là 4.800m^2. Trong đó, 4.000m^2 đất ruộng tọa lạc ấp Lào T xã T và 800m^2 đất thổ cư tọa lạc tại khu phố A, thị trấn C.

+ Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Đ2 với diện tích là 3.800m^2. Trong đó, 1.300m^2 đất thổ cư tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C và 2.500m^2 đất sản xuất, tọa lạc tại ấp C, xã T.

+ Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị X, diện tích 4.650m^2. Trong đó, 1300m^2 đất thổ cư tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C và 3.350m^2 đất sản xuất, tọa lạc tại khu phố A, thị trấn C.

+ Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T3, với diện tích là 3.800m^2. Trong đó, 1300m^2 đất thổ cư tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C và 2.500m^2 đất sản xuất, tọa lạc tại ấp C, xã T.

+ Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T4, diện tích 4.150m^2. Trong đó, 800m^2 đất thổ cư, tọa lạc tại khu phố A, thị trấn C và 3.350m^2 đất sản xuất và ruộng, tọa lạc tại khu phố A, thị trấn C.

+ Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T với diện tích là 9.800m^2. Trong đó, 5.000m^2 đất sản xuất, tọa lạc tại ấp C, xã T, 4.000m^2 đất ruộng tọa lạc ấp Lào T xã T, 800m^2 đất thổ cư, tọa lạc tại khu phố A, thị trấn C.

Buộc ông Trần Văn T phải giao cho bà Trần Thị T3 và bà Trần Thị Đ2 5.000m^2 đất tọa lạc tại ấp C, xã T và 800m^2 đất tọa lạc tại khu phố H thị trấn C cho bà Trần Thị T2.

Do không đồng ý việc yêu cầu ông T giao 800m^2 đất ở tại thị trấn C cho bà T2, ngày 26/10/1995 ông T khiếu nại Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 tại Ủy ban nhân dân huyện C (Biên nhận số 77/NĐ do Thanh tra huyện C cấp). Tuy nhiên, đơn khiếu nại của ông T sau đó chưa được Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết.

Năm 2008, ông Trần Văn T làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 18/9/2008, ông T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18, diện tích 1.314m^2, loại đất trồng cây lâu năm, vị trí thuộc thửa 16, tờ bản đồ 45 (bản đồ địa chính năm 2005) tại khu phố H, thị trấn C.

Năm 2009, bà Trần Thị T2 gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995.

Ngày 18/01/2011, Thanh tra huyện C có Báo cáo số 11/BC-TTr về kết quả thẩm tra, xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết đơn của ông Trần Văn T nhận định: 800m^2 đất ở tại thị trấn C yêu cầu ông T giao cho bà T2 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 ngày 18/9/2008 cho ông Trần Văn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00641/18 ngày 17/10/2008 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu

nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 417/2008/UB-GCN ngày 19/11/2008 cho bà Trần Thị H2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00799/18 ngày 05/12/2008 cho ông Trần Minh H3 (được tách từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 ngày 18/9/2008 cho ông Trần Văn T do ông T tặng cho ông H3, ông H3 và bà H2 là con ruột của ông T); kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu thu hồi và hủy bỏ các Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị H2 và ông Trần Minh H3 do tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C chưa có hiệu lực thi hành do phần đất này vẫn còn đang tranh chấp.

Ngày 09/3/2011, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4404/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn T do đất còn đang tranh chấp và chưa xem xét giải quyết dứt điểm. Ông Trần Văn T không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 01/8/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 8998/QĐ-UBND bác đơn ông T, công nhận Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật.

Ông Trần Văn T khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Ngày 28/6/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3331/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông T với nội dung: công nhận Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật.

Ngày 28/5/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc xử lý vụ tranh chấp trong thân tộc giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị Đ2, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị X và ông Trần Văn T4.

Ngày 24/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019.

Ngày 18/11/2020, ông Trần Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ban hành ngày 24/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Công nhận Quyết định số 5029/QĐ-UBND ban hành ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 03/12/2020, ngày 10/6/2021, ngày 24/11/2021, ngày 07/3/2022, ông Trần Văn T có các đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Hủy Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C, Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đã cấp cho ông Trần Văn T, Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung công nhận Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật, Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố với nội dung công nhận Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật, Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Công nhận Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Trần Văn T-ông Lê Tiến M trình bày tại các bản khai và các buổi đối thoại:

Nguồn gốc đất bà Trần Thị T2 đang tranh chấp 800m^2 thuộc một phần diện tích 2.271,9m^2 tọa lạc tại số H, tổ C, khu phố H, đường N, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: ấp Đ, xã T, quận C, tỉnh Hậu Nghĩa) nguyên trước đây Mỹ N lấy đất làm ấp chiến lược. Năm 197, ông Trần Văn T có cất nhà trên đất; đến ngày 30/4/1975 ông T đã tiến hành khai hoang và tiếp tục canh tác, đồng thời tiến hành san lấp các hầm hố, san nền để trồng cây. Từ sau 1975 đến nay ông T cùng vợ là bà Lê Thị K vẫn là người quản lý, canh tác và sử dụng ổn định hợp pháp diện tích đất này và không có bất kỳ tranh chấp nào. Điều đó thể hiện qua việc ông T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước xuyên suốt qua các năm từ 1975 đến nay.

Năm 1990, ông T thực hiện chia mảnh đất trên thành 03 phần trong đó một phần để bản thân sinh sống, canh tác và sử dụng, còn 02 phần đất còn lại tặng cho 02 người con, cụ thể như sau: Tặng cho ông Trần Minh H3 phần đất diện tích 534m^2, tặng cho bà Trần Thị H2 phần đất diện tích 423,1m^2. Cùng trong năm, bà Trần Thị H2 xây dựng nhà ở cấp 4 kết cấu tường gạch mái tole nền gạch diện tích 49,1m^2 trên phần đất đó. Bản thân ông T và vợ sử dụng phần đất còn lại có diện tích 1.314,8m^2.

Vào năm 1992, khi nhà đất có giá, huyện C được đô thị hóa thì các chị em của ông T gồm: bà Trần Thị T2, bà Trần Thị Đ2, bà Trần Thị X, bà Trần Thị T3, ông Trần Văn T4 (con của ông Trần Văn A), có gửi đơn yêu cầu chia phần diện tích đất trên, vì các chị em của ông cho rằng đây là đất của thân tộc.

Ngày 17/6/1993, Ủy ban nhân dân thị trấn C đã ban hành Quyết định số 14/CV.UB "Về việc giải quyết tranh chấp đất đai trong gia đình ông Trần Văn T ngụ tại khu phố A, thị trấn C". Không đồng ý với Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 ông T đã gửi đơn khiếu nại và ngày 03/6/1995, Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định số 161/QĐ-UB, ông T không đồng ý và tiếp tục gửi đơn khiếu nại.

Ngày 11/10/1995, Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định số 398/QĐ-UB về việc xử lý tranh chấp đất trong thân tộc giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị Đ2, Trần Thị T2, Trần Thị T3, Trần Thị X và ông Trần Văn T4, theo đó "Buộc ông Trần Văn T phải giao lại cho bà Trần Thị T3 và Trần Thị Đ2: 5.000m^2 đất tọa lạc tại ấp C, xã T và 800m^2 đất tọa lạc tại khu phố A, thị trấn C

cho bà Trần Thị T2. Đồng thời những văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ *(cụ thể là Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 và Quyết định số 161/QĐ-UB ngày 03/6/1995).*

Ông T không đồng ý với nội dung Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C vì thực tế nguồn gốc đất trên và đất tại xã T không phải là đất của thân tộc mà là đất do ông T tự khai hoang, bên cạnh đó các chị em của ông cũng không phải là người quản lý, sử dụng canh tác từ xưa đến nay. Do vậy, ngày 26/10/1995, ông T đã làm đơn khiếu nại tại Thanh tra huyện C (theo Biên nhận hồ sơ số 77/NĐ của Thanh tra huyện C).

Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2008, trong khoảng thời gian dài là 13 năm, các chị em trong gia đình ông T không còn khiếu nại về Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C; nên ông T với kiến thức pháp luật hạn chế của mình nghĩ rằng mọi việc đã giải quyết xong và các bên không còn tranh chấp với nhau nữa.

Ngày 27/10/2003, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T và vợ là bà Lê Thị K, theo hồ sơ gốc số 433/2003 (Cụ thể: Địa chỉ số H, KP H, đường N, thị trấn C, huyện C; nhà ở: tổng diện tích sử dụng 124,6m^2, diện tích xây dựng 124,6m^2, kết cấu nhà tường gạch, mái ngói, số tầng 01; và đất ở: Thửa đất 124, tờ bản đồ số 11 (sơ đồ nền), diện tích 200m^2);

Do gia đình khó khăn phải bươn chải lo cho con cái ăn học cho nên ông T không để ý đến việc làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đã khai phá và đang quản lý, canh tác, sử dụng. Mãi đến năm 2008 khi chính quyền địa phương nhiều lần vận động làm giấy tờ đất để mục đích Nhà nước dễ dàng quản lý, thì ông càng tin tưởng rằng việc tranh chấp với các chị em trong nhà đã xong, nên ông và các con đã thực hiện theo yêu cầu của UBND huyện C tiến hành làm thủ tục hợp thức hóa phần diện tích trên. Cụ thể: Ông Trần Minh H3 diện tích 534m^2 (đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số H00799/18 cấp ngày 05/12/2008, thuộc thửa 316, tờ bản đồ số 45) và bà Trần Thị H2 diện tích 423,1m^2 (đất 223,1 m^2 thuộc thửa 314, tờ bản đồ số 45, đất trồng cây lâu năm và nhà 200 m^2, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số H00641/18 ngày 17/01/2008 số 417/2008 UB-GCN ngày 19/11/2008, trong đó diện tích nhà ở 49,1m^2 kết cấu tường gạch, mái tole). Ông Trần Văn T được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 cấp ngày 18/09/2008 với diện tích 1.314,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 45, bộ địa chính thị trấn C.

Cũng trong năm 2008, vì thấy bà Trần Thị Đ2 và Trần Thị T3 có phần khó khăn trong cuộc sống nên ông T đã cho: bà Trần Thị Đ2 1.500m^2 và bà Trần Thị T3 1.500m^2 đất ở ấp C, xã T. Việc cho đất này là hoàn toàn tự nguyện không phải là trên cơ sở thực hiện theo Quyết định định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995.

Năm 2010, ông T bất ngờ khi hay tin bà Trần Thị T2 có đơn yêu cầu UBND huyện C thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C về việc tiếp tục xử lý vụ tranh chấp đất trong thân tộc giữa ông với bà Trần Thị Đ2, Trần Thị T2, Trần Thị T3, Trần Thị X và ông Trần Văn T4 trong khi các chi còn lại trong gia đình không ai tranh chấp hoặc khiếu nại Quyết định 398/QĐ-UB;

Ngày 09/3/2011, UBND huyện C ra Quyết định số 4404/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 cấp ngày 18/9/2008, với lý do: "Qua rà soát, UBND huyện C phát hiện ông Trần Văn T gửi đơn khiếu nại từ năm 1995 đến nay nhưng chưa được xem xét giải quyết. Do đó tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T (năm 2008) thì phần đất này đang bị điều chỉnh bởi Điều 1 của Quyết định 398/QĐ-UBND ngày 11/10/1995 của UBND huyện C vẫn chưa có hiệu lực thi hành nên phần đất này vẫn đang bị tranh chấp". Không đồng ý với Quyết định số 4404/QĐ-UBND, ông T đã khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định.

Ngày 01/8/2011, UBND huyện C ban hành Quyết định số 8998/QĐ-UBND bác các nội dung khiếu nại của ông T và công nhận Quyết định 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 là đúng quy định pháp luật. Không đồng ý với Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011, ông T tiếp tục khiếu nại Quyết định trên lên UBND Thành phố H.

Ngày 28/6/2012, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 3331/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại: Công nhận nội dung Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T là đúng pháp luật.

Ngày 28/5/2019, UBND huyện C ra Quyết định số 5029/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện về việc xử lý vụ tranh chấp đất trong thân tộc giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị Đ2, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị X và ông Trần Văn T4. Nội dung ghi nhận: "Hủy bỏ 01 phần Điều 1 QĐ số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995, lý do: nội dung giải quyết chưa đầy đủ, chưa đảm bảo về hình thức, việc tranh chấp phần đất 800m^2 giữa ông Trần Văn T và bà Trần Thị T2 kéo dài dẫn đến nội dung Quyết định 398/QĐ-UB liên quan đến phần đất 800m^2 trên chưa có hiệu lực pháp luật".

Tuy nhiên, ngày 24/3/2020 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định 5029/QĐ-UBND ngày 18/5/2019, lý do: "Trong quá trình ban hành Quyết định 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện có sai sót".

Nay, ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Tuyên huỷ một phần Quyết định số 398/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện C ngày 11/10/1995.

Tuyên huỷ bỏ toàn bộ các Quyết định số 4404/QĐ-UBND của UBND huyện C ngày 09/3/2011, Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của

Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố H, Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C.

Đối với yêu cầu công nhận Quyết định 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo trả đơn khởi kiện, ông T cũng không tiếp tục khởi kiện đối với quyết định này.

Trước đây ông T có kiện Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C. Tại Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 ông T không tiếp tục khởi kiện đối với Quyết định này. Tại phiên họp người khởi kiện xác định rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H2, ông Trương Văn T1, ông Trần Minh H3 có bản trình bày ý kiến đồng ý với ý kiến của ông Trần Văn T.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến tại Bản tự khai ngày 17/5/2022 như sau:

Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất trong thân tộc ông Trần Văn T với bà Trần Thị Đ2, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị X và ông Trần Văn T4 chưa có hiệu lực thi hành do ông Trần Văn T không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra huyện C. Nhưng khiếu nại của ông Trần Văn T từ năm 1995 đến nay vẫn chưa được Ủy ban nhân dân huyện C xem xét, giải quyết.

Qua xác minh được biết các phần đất đã chia cho các chi theo Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C thì có một số phần đất do các chi trực canh sử dụng ổn định. Đến năm 2008, phần đất mà bà Đ2 và bà T3 được chia mỗi người 2.500m^2 đất tại ấp C, xã T, huyện C đã được ông T giao đất nhưng chỉ giao với diện tích bà Đ2 là 1.500m^2, bà T3 là 1.500m^2. Bà Đ2, bà T3 đồng ý nhận và không khiếu nại. Riêng phần đất bà T2 được chia là 4.800m^2, trong đó diện tích đất ruộng 4.000m^2 tại ấp L, xã T do bà T2 trực canh sử dụng ổn định, còn phần diện tích đất 800m^2 đất thổ cư tọa lạc tại khu phố A (nay là khu phố H, thị trấn C) do ông T trực canh quản lý sử dụng, ông T không đồng ý giao đất cho bà T2, đồng thời khiếu nại đến Thanh tra huyện.

Năm 2010, bà Trần Thị T2 có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C. Ông T không đồng ý thực hiện vì cho rằng ông đã khiếu nại Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C từ năm 1995 nhưng đến nay chưa được giải quyết.

Qua rà soát, Ủy ban nhân dân huyện C phát hiện việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 ngày 18/9/2008 cho ông T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00641/18 ngày 17/10/2008 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số

417/2008/UB-GCN ngày 19/11/2008 cho bà H2 và ông T1 trong khi phần đất này đang tranh chấp là sai quy định pháp luật. Dẫn tới việc ông T tặng cho con là ông Trần Minh H3 một phần đất diện tích 534m^2/1.314,8m^2 và ông H3 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00799/18 ngày 05/12/2008 cũng sai quy định pháp luật.

Do đó, ngày 09/3/2011, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các Quyết định số 4405/QĐ-UBND, 4404/QĐ-UBND và Quyết định số 4403/QĐ-UBND thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, ông H3 và bà H2. Sau khi nhận Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện C thì ông T, ông H3 và bà H2 không đồng ý nên khiếu nại. Ngày 01/8/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại Quyết định số 8998/QĐ-UBND, Quyết định số 8997/QĐ-UBND và Quyết định số 8996/QĐ-UBND theo đó công nhận các Quyết định thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, ông H3 và bà H2 là đúng quy định. Hiện nay, ông T, ông H3 và bà H2 tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố và Sở T5 đang thụ lý tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố G.

Ngày 28/6/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các Quyết định số 3331/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T; Quyết định số 3330/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn H4; Quyết định số 3332/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H2 với nội dung công nhận các quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện C đối với ông T, ông H4, bà H2 là đúng quy định pháp luật.

Ngày 16/7/2013, qua vận động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H2, ông Trần Minh H3 đã đồng ý giao bản chính 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nêu trên cho Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi.

Như vậy, phần đất có diện tích 800m^2 hiện nay trở về pháp lý ban đầu là chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/10/2013, ông T tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số 398/QĐ-UB gửi Ủy ban nhân dân huyện. Tuy nhiên, do vụ việc phức tạp nên ngày 22/10/2013, Thanh tra huyện có văn bản gửi Sở T5 xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ.

Ngày 03/12/2013, Thanh tra Sở T5 có Công văn số 539/CV-TT gửi Thanh tra huyện để hướng dẫn nghiệp vụ trong đó nhận định:

- Xét về hình thức của Quyết định: Theo điểm c, khoản 2, Điều 38 của Luật Đất đai năm 1993 quy định *"Trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Ủy ban nhân dân đã giải quyết tranh chấp, đương sự có quyền khiếu nại lên cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Quyết định của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trực tiếp có hiệu lực thi hành"*. Tuy nhiên, Quyết định số 398/QĐ-UB không có điều khoản hướng dẫn người dân nếu không đồng ý

với Quyết định này có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền, nên Quyết định số 398/QĐ-UB chưa đảm bảo về mặt hình thức.

Đồng thời, khi nhận Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995, ông Trần Văn T đã nộp đơn khiếu nại Quyết định số 398/QĐ-UB tại Ủy ban nhân dân huyện. Đơn khiếu nại của ông T đến nay vẫn chưa được Ủy ban nhân dân huyện C xem xét giải quyết theo quy định. Đây là lỗi của cơ quan Nhà nước dẫn đến nội dung tranh chấp đối với phần đất 800m^2 bị kéo dài, hiệu lực pháp luật của Quyết định số 398/QĐ-UB đối với nội dung liên quan đến phần đất 800m^2 chưa phát sinh.

- Xét về nội dung của Quyết định: Tại Điều 1 của Quyết định số 398/QĐ-UB có nội dung: Công nhận quyền sử dụng 800m^2 đất thổ cư tại khu phố A, thị trấn C cho bà Trần Thị T2 và buộc ông Trần Văn T phải giao 800m^2 đất ở cho bà T2. Tuy nhiên, tại thời điểm xảy ra tranh chấp trên phần đất diện tích 800m^2 này đã có nhà của bà Trần Thị H2 (con ruột ông T, nhà xây năm 1990), Quyết định số 398/QĐ-UB chưa đề cập đến quyền, nghĩa vụ liên quan của bà Trần Thị H2 trong 800m^2 này là chưa đủ đối tượng.

Diện tích giải quyết tranh chấp nêu trong Quyết định 398/QĐ-UB chưa được đo vẽ, không xác định vị trí và diện tích chính xác dẫn đến khó thực hiện quyết định.

Mặt khác, hiện tại chỉ có ông Trần Văn T và bà Trần Thị T2 tranh chấp phần đất 800m^2, các chi còn lại không ai tranh chấp hoặc khiếu nại Quyết định số 398/QĐ-UB.

Từ những nội dung trên, Thanh tra Sở T5 xác định: *"Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung giải quyết chưa đầy đủ, chưa đảm bảo về hình thức, việc tranh chấp phần đất 800m^2 giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị T2 kéo dài dẫn đến nội dung Quyết định số 398/QĐ-UB liên quan đến phần đất 800m^2 trên chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định điều chỉnh Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 liên quan đến phần đất 800m^2 tại khu phố A, thị trấn C, huyện C là cần thiết".*

Đồng thời, Thanh tra Sở T5 lưu ý: Khi ban hành Quyết định điều chỉnh, Chủ tịch UBND huyện C cần đo đạc, đối chiếu tài liệu địa chính qua các thời kỳ để xác định chính xác vị trí ranh đất; kiểm tra nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, việc đăng ký, kê khai, đóng thuế… để xác định đúng và đủ đối tượng tranh chấp.

Qua tổ chức đo vẽ hiện trạng thực tế, ngày 08/01/2019, Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở T5 phát hành bản đồ hiện trạng vị trí đối với phần diện tích đất 800m^2 tại thị trấn C.

Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB với nội dung:*"Hủy một phần Điều 1, Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C liên quan đến phần đất 800m^2*

tranh chấp giữa ông T và bà T2 tại khu phố A (nay là khu phố H), thị trấn C, giữ nguyên các nội dung khác tại Điều 1, Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C".

Việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB theo hướng *"hủy bỏ Điều 1 của quyết định này liên quan đến phần đất 800m^2"* là chưa phù hợp nội dung hướng dẫn của Thanh tra Sở T5 tại Công văn số 539/CV-TT ngày 03/12/2013 và không đảm bảo quyền và lợi ích của bà Trần Thị T2 (là con của ông Đ3 và bà K1). Như vậy, nội dung khiếu nại của các hàng thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Tiếng L1 đúng một phần.

Ngày 24/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019. Lý do: Trong quá trình ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có sai sót. Do đó, Đề nghị Tòa án nhân dân các cấp công nhận Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là đúng quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn L, ông Trần Văn S, bà Trần Thị M1, bà Trần Thị G - ông Trần Viết C có bản trình bày ý kiến ngày 30/11/2022 như sau:

Về nguồn gốc đất: Từ trước giải phóng cha ông Trần Văn Đ3, khai phá và thừa kế của bà Trần Thị B (mất năm 1940), khoảng năm 1984 ông Trần Văn Đ3 chết để lại phần đất này cho các con (theo biên bản họp hội đồng xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 16/4/2021 của UBND thị trấn C).

Về quá trình tranh chấp: Vào năm 1992, các bà Trần Thị Đ2, Trần Thị T2, Trần thị T3, Trần Thị X và ông Trần Văn T4 tranh chấp đất trong thân tộc với ông Trần Văn T. Vụ việc được UBND dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 14/CV.UB ngày 17/6/1993; Quyết định giải quyết tranh chấp 161/QĐ-UB ngày 03/6/1995 và Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995.

Sau khi có Quyết định số 398/QĐ-UB, ông T đã chia đất cho bà Đ2 và bà T3 mỗi người 1.500m^2 đất tại xã T, bà Đ2 và bà T3 đồng ý nhận và không khiếu nại. Về phần diện tích đất của bà T2 tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 398/QĐ-UB cụ thể như sau: *"Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T2 với diện tích: 4.800m^2. Trong đó: 4000m^2 đất ruộng toạ lạc tại ấp L, xã T và 800m^2 đất thổ cư toạ lạc tại khu phố A thị trấn C".* Đối với diện tích 4000m^2 đất ruộng toạ lạc tại ấp L, xã T thì bà T2 đã nhận xong, còn lại phần diện tích 800m^2 đất thổ cư toạ lạc tại khu phố A thị trấn C (này là khu phố H) bà T2 chưa được nhận theo nội dung của Quyết định số 398/QĐ-UB, mà hiện nay gia đình ông T đang quản lý sử dụng. Năm 2009 bà T2 có gửi đơn yêu cầu UBND huyện C thực hiện Quyết định số 398/QĐ-UB.

Ngày 10/11/2009, Thanh tra xây dựng huyện C ban hành Báo cáo số 426/BC-TTrXD về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị T2, nội dung tại văn bản này thể hiện như sau: *"Qua xác minh thực tế, phần đất có diện tích 800m^2 toạ lạc tại khu phố H thị trấn C, hiện do gia đình ông Trần Văn T đang quản lý, sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng nhà ở với diện tích là 200m^2 (số 433/2003) sau đó đến ngày 19/8/2008 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 với diện tích 1314,8m^2 sau khi được cấp ông tiếp tục tương phân cho các con là Trần Minh H3 với diện tích 534m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00799/18/QSDĐ cấp ngày 05/12/2008.*

Gia đình ông Trần Văn T đã và đang sử dụng phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 1937,9m^2 trong đó có 800m^2 mà bà T2 yêu cầu thực hiện".

Ngày 08/7/2011, Văn phòng UBND huyện C ban hành Thông báo số 176/TB-VP về nội dung cuộc họp đối thoại giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T, ông Trần Minh H3, bà Trần Thị H2 liên quan đến quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện C đã cấp cho ông Trần Văn T, ông Trần Minh H3, bà Trần Thị H2. Nội dung tại Thông báo này thể hiện như sau: *"Chấp thuận theo đề xuất của Thanh tra huyện tại Báo cáo số 116/BC-TTr, Báo cáo số 117/BC-TTr, Báo cáo số 118/BC-TTr ngày 29/4/2011; đó công nhận Quyết định số 4404/QĐ-UBND, Quyết định số 4403/QĐ-UBND, Quyết định số 4405/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 ngày 18/9/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông Trần Văn T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00799/18 ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông Trần Minh H3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00641/18 ngày 1715 2008 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 471/2008/UB-GCN ngày 19/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho bà Trần Thị H2 là đúng quy định pháp luật."*

Ngày 28/5/2019, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện. Tại Quyết định này đã huỷ bỏ một phần Điều 1 của Quyết định số 398/QĐ-UB liên quan đến diện tích 800m^2, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2, không đúng theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Ngày 04/6/2019, gia đình ông Trần Văn S (con trai-người thừa kế của bà Trần Thị T2) đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 5029/QĐ-UBND. Đến ngày 24/3/2020 UBND Chủ tịch huyện C đã ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND tại văn bản này có nội dung như sau: "Trong quá trình ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện có sai sót."

Ngày 28/5/2020, UBND huyện C có Biên bản tiếp xúc công dân số 4844/BB-TCD. Tại văn bản này ông Nguyễn Hữu Hoài P1 Chủ tịch UBND huyện C đã kết luận: *"Đề nghị các hàng thừa kế theo pháp luật của bà Trần*

Thị T2 nếu có nhu cầu đề nghị lập Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 800m^2 thì đo vẽ bản vẽ xác định vị trí, lập hồ sơ nộp tại UBND thị trấn C hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để được xem xét, giải quyết theo quy định.

UBND thị trấn chịu trách nhiệm hướng dẫn các hàng thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị T2 thực hiện các thủ tục theo quy định khi có yêu cầu."

Năm 2022, ông Trần Văn S có nộp đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Củ Chi và phía Toà đã có Thông báo trả lại đơn khởi kiện, xác định việc yêu cầu khởi kiện đã được giải quyết theo Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ thông báo trả lại đơn khởi kiện của Toà án nhân dân huyện Củ Chi xác định việc yêu cầu khởi kiện đã được giải quyết theo Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C đã có hiệu lực pháp luật (có văn bản kèm theo). Như vậy, Quyết định số 398/QĐ-UB đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ theo nội dung của Quyết định 1747/QĐ-UBND đã thể hiện lý do là: "Trong quá trình ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện có sai sót". Đồng thời tại văn bản này đã áp dụng các văn bản pháp luật đúng quy định để ban hành.

Quyết định số 5029/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C huỷ bỏ một phần Điều 1 của Quyết định số 398/QĐ-UB liên quan đến diện tích 800m^2, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2, không đúng theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Ngày 04/6/2019, gia đình ông Trần Văn S (con trai-người thừa kế của bà Trần Thị T2) đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 5029/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện.

Do đó, các con của bà T2 không đồng ý với yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 398/QĐ-UB, Quyết định 1747/QĐ-UBND và giữ nguyên Quyết định số 5029/QĐ-UBND của người khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Trần Văn T-ông Lê Tiến M trình bày:

Ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên huỷ một phần Quyết định số 398/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện C ngày 11/10/1995, hủy Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Đối với yêu cầu công nhận Quyết định 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo trả đơn khởi kiện, ông T cũng không tiếp tục khởi kiện đối với quyết định này nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì đây là quyết định có liên quan.

Các Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND huyện C, Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố H, Tòa án đã tách ra thành vụ án khác và ban hành quyết định đình chỉ nhưng đây là các quyết định có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Như đã trình bày, nguồn gốc đất là ấp chiến lược do ông T tự khai phá, gỡ bom mìn, xây nhà cấp 4, ông T đóng thuế hàng năm và ở xuyên suốt từ năm 1972, có những người xung quanh xác nhận. Việc ông T cho bà Đ2, bà T3 mỗi người 1.500m^2 là vì thấy hoàn cảnh của hai bà khó khăn, không phải chia theo Quyết định 398/QĐ-UB. Phần đất giao cho bà T2 không nằm trong phần đất đang tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích người khởi kiện ông Trần Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H3, bà Trần Thị H2, ông Trương Văn T1 – Luật sư Lê Nguyễn Thế H trình bày:

Về mặt hình thức: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai 1993, trong trường hợp ông Trần Văn T không đồng ý với Quyết định số 398/QĐ-UB thì ông có quyền khiếu nại lên UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên Quyết định số 398/QĐ-UB lại không có điều khoản hướng dẫn này là chưa đảm bảo về mặt hình thức, trực tiếp làm ảnh hưởng đến quyền khiếu nại của ông T.

Quyết định số 398/QĐ-UB căn cứ "Biên bản ngày 29/9/1994 của UBND thị trấn về việc đề nghị xử lý vụ tranh chấp trong thân tộc của ông Trần Văn T". Bản thân ông Trần Văn T khẳng định ông không biết, không ký tên trong Biên bản này và đồng thời phía Thanh tra huyện cũng không tham gia buổi làm việc.

Về mặt nội dung:

Điều 1 Quyết định số 398/QĐ-UB có nội dung: "Công nhận quyền sử dụng 800m^2 đất thổ cư tại khu phố A, thị trấn C cho bà Trần Thị T2 và buộc ông Trần Văn T phải giao 800m^2 đất ở cho bà T2". Tuy nhiên, UBND huyện C không tiến hành đo vẽ, không xác định được vị trí, ranh giới và diện tích chính xác của phần diện tích đất 800m^2 đang tranh chấp này.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 433/2003 của ông Trần Văn T, Giấy chứng nhận số H00799/18 của ông Trần Minh H3 và 02 Giấy chứng nhận số H00641/18, số 417/2008/UB-GCN của bà Trần Thị H2, tổng diện tích đất theo 04 Giấy chứng nhận trên là 1.939,9m^2 và là đất trồng cây lâu năm. Trong đó, phần diện tích đất đang tranh chấp trong Quyết định số 398/QĐ-UB chỉ là 800m^2 thổ cư không xác định được vị trí (vì có đến 03 KP theo Biên bản ngày 29/9/1994), nhưng UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi toàn bộ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không phù hợp. Bên cạnh đó, tại thời điểm xảy ra tranh chấp, trên phần đất có tồn tại nhà của bà Trần Thị H2 xây năm 1990 và căn nhà tạm của ông Trần Minh H3 có

diện tích 24m^2. Tuy nhiên, khi ban hành Quyết định 398, UBND huyện C không đề cập đến quyền, nghĩa vụ liên quan của bà H2 và ông H3 là sự thiếu sót nghiêm trọng về đối tượng.

Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 ban hành căn cứ Biên bản ngày 29/9/1994 của UBND thị trấn. Nhưng, nội dung của Biên bản lại hoàn toàn khác so với nội dung của Quyết định 398, cụ thể:

Tại biên bản ngày 29/9/1994, Mục 6: Công nhận QSDĐ cho ông Trần Văn T DT: 5.000m^2 ấp C, xã T; 4.000m2 ấp L, xã T và 800m^2 tại KP1, thị trấn C. Buộc ông Trần Văn T giao cho bà T3, bà Đ2 5.000m^2 tọa lạc tại ấp C, xã T và 25.000 m^2 KP1, thị trấn C.

Tại Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995, Mục 6: Công nhận QSDĐ cho ông Trần Văn T DT: 9.800m^2. Trong đó, 5.000m^2 ấp C, xã T; 4.000m2 ấp L, xã T và 800m^2 thổ cư tại KP1, thị trấn C. Buộc ông Trần Văn T giao cho bà T3, bà Đ2 5.000m^2 tọa lạc tại ấp C, xã T và 800m^2 đất tọa lạc tại KP8, thị trấn C cho bà Trần Thị T2.

Như vậy, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 có nội dung "buộc ông Trần Văn T phải giao lại 800m^2 đất tọa lạc tại khu phố H, thị trấn C cho bà Trần Thị T2" có nhiều điểm không hợp lý và không hợp pháp về cả mặt hình thức lẫn mặt nội dung, không xác định được vị trí, không phù hợp với căn cứ tại Biên bản ngày 29/9/1994, 01 phần Quyết định 398 đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích của vợ chồng ông Trần Văn T cùng 02 con là ông Trần Minh H3 và bà Trần Thị H2.

- Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc thu hồi và huỷ bỏ toàn bộ Quyết định 5029/QĐ-UBND là không hợp lý và không đúng quy định pháp luật; cụ thể:

Về mặt hình thức, Quyết định 1747/QĐ-UBND quy định "Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký", không có nội dung hướng dẫn đương sự khiếu nại lên cơ quan hành chính cấp trên trong trường hợp đương sự không đồng ý, theo điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai 1993, do đó chưa đảm bảo về mặt hình thức, trực tiếp làm ảnh hưởng đến quyền khiếu nại của ông T.

Về mặt nội dung, Quyết định 1747/QĐ-UBND không đưa ra được bất kì cơ sở hay lập luận nào để chứng minh được trong quá trình ban hành Quyết định 5029/QĐ-UBND ngày 28/05/2019 đã có những "sai sót" gì, cũng như cơ sở pháp lý để thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND.

Trong khi đó, Quyết định 5029/QĐ-UBND ngày 28/05/2019 được ban hành đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về cả mặt hình thức và nội dung. Cụ thể, Điều 3 của Quyết định có hướng dẫn ông T và bà T2 về quyền khiếu nại hoặc khởi kiện trong thời hạn 30 ngày.

Quyết định 5029/QĐ-UBND có căn cứ Tờ trình số 07 của Thanh tra huyện C ngày 23/05/2019, cụ thể: "Thanh tra huyện kiến nghị Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định điều chỉnh một phần Quyết định 398/QĐ-UB với lý

do "Quyết định 398/QĐ-UB có nội dung giải quyết chưa đầy đủ, chưa đảm bảo về hình thức, việc tranh chấp phần đất 800m^2 giữa ông Trần Văn T và bà Trần Thị T2 kéo dài dẫn đến nội dung Quyết định 398 liên quan đến phần đất 800m^2 trên chưa có hiệu lực pháp luật. Nên việc ban hành Quyết định điều chỉnh Quyết định 398 liên quan đến phần đất 800m^2 tại khu phố A, thị trấn C, huyện C là cần thiết".

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định 5029/QĐ-UBND là không có cơ sở, không đúng quy định pháp luật và trực tiếp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính trong quá trình xét xử, HĐXX có quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện, không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện.

Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T:

- Tuyên huỷ một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C và Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C.

- Các quyết định có liên quan gồm: Quyết định số 4404/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 ngày 18/9/2008 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Văn T, Quyết định số 4403/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00799/18 ngày 05/12/2008 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Minh H3, Quyết định số 4405/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00641/18 ngày 17/10/2008 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 417/2008/UB-GCN ngày 19/11/2008 do UBND huyện C cấp cho bà Trần Thị H2 và ông Trương Văn T1. Các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện C ngày 01/8/2011: số 8998/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn T, số 8997/QĐ-UBND Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Minh H3, Quyết định số 8996/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị H2. Các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch U ngày 28/6/2012: số 3331/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại ông Trần Văn T, số 3330/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Minh H3, quyết định số 3332/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H2.

- Công nhận Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện C có nội dung "điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C về việc xử lý vụ tranh chấp trong thân tộc giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị Đ2, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị X và ông Trần Văn T4.

Người bảo vệ quyền và lợi ích người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C - ông Lê Văn Â, ông Đinh Minh Q trình bày:

Ủy ban xác định 800m^2 tranh chấp của gia tộc căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 29/9/1994 với tất cả anh em trong gia đình ông T, chỉ có ông T không đồng ý. Thanh tra huyện có nhận khiếu nại của ông T nhưng sau đó chuyển công tác nên chưa giải quyết khiếu nại. Năm 2009, bà T2 yêu cầu thực hiện Quyết định 398 nhưng không thực hiện được vì không xác định được vị trí, Ủy ban xin ý kiến của Sở T5, sau đó ban hành Quyết định 5029 và Quyết định 1747. Trong quá trình ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có sai sót. Ngày 24/3/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông Trần Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H3 trình bày:

Nếu nói bà T2 không có đất thổ cư là sai, bà T2 có mua 9.800m^2 đất ở do ông Trần Văn Đ3 cho tiền, bà T2 không làm gì để có số tiền lớn như thế.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị trấn C không có ý kiến.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H2, ông Trương Văn T1 - ông Lê Tiến M trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông T.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn L, ông Trần Văn S, bà Trần Thị M1, bà Trần Thị G - ông Trần Viết C trình bày:

Nguồn gốc đất tại các biên bản họp gia tộc, hòa giải, cam kết ông T đều trình bày là đất của ông cố để lại cho ông Đ3, bà B, nay người đại diện ông T khai đất ông T tự khai hoang là không đúng, ông T không có tài liệu, căn cứ nào chứng minh ông T khai phá.

Căn cứ Hướng dẫn 784 ngày 18/8/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phân chia di sản trong thân tộc; các biên bản làm việc của ông T với các cơ quan, Thanh tra; Quyết định 447 ngày 25/7/1991 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Căn cứ nguồn gốc đất; Thông tư 02/2015 quy định tại Điều 15; Điều 8 Nghị định 45 của Chính phủ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông Trần Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S trình bày: Mẹ ông (bà T2) không biết chữ nên khi nhận Quyết định 398, bà T2 đem về cất vào tủ, đến năm 2009 khi ông phát hiện bà H2 xây nhà về hỏi bà T2, lúc đó mới lấy ra xem và yêu cầu Ủy ban thực hiện quyết định.

Quyết định này được ban hành trên cơ sở tất cả mọi người trong gia đình đến Ủy ban nhân dân giải quyết. Về nguồn gốc đất, ông T đi lính năm 1975 mới về, ông T khai phá là không đúng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án như: xác định tư cách tố tụng của đương sự; thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; thực hiện đúng các quy định trong việc tống đạt cho đương sự; gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung:

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993 thì Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C không có điều khoản hướng dẫn cho ông T quyền khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thành phố để giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai của UBND huyện C là vi phạm về hình thức. Thanh tra huyện C có nhận đơn khiếu nại và cấp Biên nhận đơn số 77/NĐ ngày 16/10/1995 cho ông T nhưng cũng không hướng dẫn cũng không chuyển cơ quan có thẩm quyền để giải quyết làm ảnh hưởng đến quyền khiếu nại của ông T.

Tại Điều 1 Quyết định 398/QĐ-UB có nội dung: Công nhận cho bà Trần Thị T2 quyền sử dụng 800m^2 đất thổ cư, tọa lạc tại khu phố A(nay là khu phố H), thị trấn C và buộc ông T phải giao 800m^2 đất tọa lạc tại khu phố A thị trấn C cho bà T2.

Xét, phần đất diện tích 800m^2 tại khu phố A (nay là khu phố H) thị trấn C, theo lời trình bày của những người thừa kế thì phần đất này có nguồn gốc do cha là ông Trần Văn Đ3 để lại, ông T cho rằng ngoài phần đất của ông Đ3 mất để lại 24 cao (khoảng 2.400m^2) trong phần đất này có một phần đất 440m^2 do bà Trần Thị B là cô ruột của các đồng thừa kế mất năm 1940 (bà B không có con) để lại cho cha ông Đ3 sử dụng và thờ cúng, sau đó năm 1986, ông Đ3 chết ông T tiếp tục sử dụng, nên ông cho rằng đây là phần đất hương quả (nhưng không cung cấp đươc tài liệu chứng cứ chứng minh là đất hương quả) và một phần đất đã cho con gái lấy chồng cất nhà nên ông không đồng ý chia. Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào sự thỏa thuận của các đồng thừa kế, có xem xét thực tế sử dụng, quá trình đóng góp công sức gìn giữ đất phù hợp với đạo lý và luật pháp để phân chia cho bà T2 phần đất tại khu phố A (nay là khu phố H) 800m^2 là có cơ sở. Tuy nhiên, tại thời điểm tranh chấp năm 1992, trên phần đất này, ông T đã cho con gái là bà Trần Thị H2 cất nhà năm 1990. Diện tích xây dựng khi được cấp giấy năm 2008 là 49,1m^2, bà H2 có đăng ký kê khai theo

Tài liệu 02/CT-UB và sử dụng ổn định đến nay, nhưng khi giải quyết tranh chấp, UBND huyện C không có ý kiến của bà H2 trong việc tranh chấp, đến nay theo Bản đồ hiện trạng vị trí Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 04/01/2019 thì khu đất 800m^2 dự kiến giao cho bà T2 lại lấy trọn phần đất của bà H2 trên đất có tài sản có căn nhà diện tích và 02 ki-ốt xây dựng không phép 2010 là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H2.

Ngoài ra khi giải quyết tranh chấp buộc ông T phải giao 800m^2 cho bà T2 nhưng UBND huyện C không đo đạc, cắm mốc để xác định vị trí làm căn cứ giải quyết tranh chấp, nên khi ban hành Quyết định 398/QĐ-UB không xác định vị trí và diện tích để thi hành quyết định.

Do phần diện tích đất tranh chấp 800m^2 chỉ có ông T và bà T2 khiếu nại, những người khác không tranh chấp. Vì vậy, ông T yêu cầu hủy một phần Quyết định số 398/QĐ-UB cụ thể hủy khoản 6 Điều 1 buộc ông Trần Văn T phải giao lại 800m^2 đất tọa lạc tại khu phố H thị trấn C cho bà Trần Thị Tiếng L1 có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00603/18 ngày 18/9/2008 cấp cho ông Trần Văn T của UBND huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3331/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố H. Ngày 13/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-ST-HC tách vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 09/2021/TLST-HC ngày 05/01/2021 thành hai vụ án theo đó yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00603/18 ngày 18/9/2008 cấp cho ông Trần Văn T của UBND huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3331/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của Chủ tịch UBND Thành phố H được thụ lý số 159/TLST-HC ngày 19/9/2023 và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ số 1923/QĐST-HC do hết thời hiệu nên không xem xét.

+ Về yêu cầu công nhận Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND huyện C và hủy Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 Chủ tịch UBND huyện C: Quyết định số 5029/QĐ-UBND của UBND huyện C đã điều chỉnh một phần nội dung Quyết định 398, theo đó nội dung ghi nhận hủy bỏ 01 phần Điều 1 Quyết định 398. Như đã phân tích trên, yêu cầu khởi kiện hủy 01 phần Quyết định 398/QĐ-UB của ông T là có cơ sở nên đã được chấp nhận, còn Quyết định số 5029/QĐ-UBND ban hành có thiếu sót do phía bà T2 khiếu nại về hiệu lực của Quyết định 398/QĐ-UB nên Quyết định 5029/QĐ-UBND đã bị hủy bỏ bởi Quyết định 1747/QĐ-UBND là có căn cứ. Vì vậy, ông T yêu cầu công nhận Quyết định 5029/QĐ-UBND và hủy Quyết định 1747/QĐ-UBND của UBND huyện C là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Văn T: Hủy một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của UBND huyện C.

Bác yêu cầu của ông T về việc yêu cầu công nhận Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND huyện C về hủy Quyết định 1747/QĐ- UBND ngày 24/3/2020 của UBND huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền thụ lý và thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ Quyết định tách vụ án hành chính số 100/2023/QĐST-HC ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án hành chính sơ thẩm số 09/2021/TLST-HC ngày 05/01/2021 giải quyết yêu cầu của ông Trần Văn T về khiếu kiện Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 24/3/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND, ngày 18/11/2020 ông T có đơn khởi kiện tại Tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện.

Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C là Quyết định hành chính có liên quan, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi xét xử vụ án.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Tại phiên tòa người bị kiện và người đại diện theo pháp luật của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của người khởi kiện:

[3.1] Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/6/2022, ngày 26/11/2021 ông Trần Văn T yêu cầu Tòa xem xét hủy Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C. Tại Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 ông Trần Văn T không tiếp tục khởi kiện đối với Quyết định này. Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện xác định rút yêu cầu khởi kiện

đối với Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3.2] Đối với các Quyết định số 4404/QĐ-UBND của UBND huyện C ngày 09/3/2011 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18 cấp ngày 18/9/2008 cho ông Trần Văn T, Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai:

Ngày 13/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 100/2023/QĐST-HC tách vụ án hành chính số 09/2021/HCST ngày 05/01/2021 về "Khiếu kiện quyết định hành chính thành 02 vụ án để giải quyết:

- Vụ án hành chính thụ lý số 09/2021/HCST ngày 05/01/2021 gồm các quyết định bị khởi kiện: Một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc chia đất cho thân tộc ông Trần Văn T và Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Vụ án hành chính thụ lý số 159/2023/HCST ngày 19/9/2023 gồm các quyết định bị khởi kiện: Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi GCN QSD đất số H00603/18 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Văn T; Quyết định số 8998/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 1) của ông Trần Văn T về việc thu hồi GCN QSD đất số H00603/18 và Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Trần Văn T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00603/18. Ngày 26/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ số 1923/2023/QĐST-HC đối với vụ án hành chính thụ lý số 159/2021/HCST ngày 19/9/2023 gồm các quyết định bị khởi kiện trên vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3.3] Xét Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 11/10/1995:

[3.3.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định:

Tại khoản 3 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993 quy định: *Các tranh chấp về quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất đã có giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tranh chấp về tài sản gắn liền với việc sử dụng đất đó thì do Toà án giải quyết*.

Tuy nhiên, các bên đều thừa nhận tại thời điểm ban hành Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995, trên phần đất diện tích 800m^2 công nhận cho bà Trần Thị T2 đã có nhà của bà Trần Thị H2 (con ruột ông Trần Văn T) xây năm 1990, nhưng Ủy ban nhân dân huyện C không triệu tập bà H2 để làm rõ việc có

tranh chấp về tài sản gắn liền với việc sử dụng đất đó không mà vẫn giải quyết tranh chấp là chưa đảm bảo thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.3.2] Về hình thức của Quyết định: Theo điểm c, khoản 2, Điều 38 Luật Đất đai năm 1993 quy định *"Trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Ủy ban nhân dân đã giải quyết tranh chấp, đương sự có quyền khiếu nại lên cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Quyết định của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trực tiếp có hiệu lực thi hành"*.

Quyết định số 398/QĐ-UB không có điều khoản hướng dẫn người dân nếu không đồng ý với Quyết định này có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền cấp trên là chưa đảm bảo về mặt hình thức.

[3.3.3] Về nội dung của Quyết định:

Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 về việc xử lý vụ tranh chấp đất trong thân tộc giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị Đ2, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị X và ông Trần Văn T4 có nội dung: Công nhận cho bà Trần Thị T2 quyền sử dụng 800m^2 đất thổ cư, tọa lạc tại khu phố A (nay là khu phố H), thị trấn C và buộc ông T phải giao 800m^2 đất tọa lạc tại khu phố H thị trấn C cho bà Trần Thị T2.

Theo Biên bản lấy lời khai giữa Thanh tra viên Huỳnh Văn X1 với bà Trần Thị Đ2 ngày 02/7/1994 và Biên bản lấy lời khai ngày 27/7/1994 với ông Trần Văn T: Phần diện tích đất tranh chấp 800m^2 tọa lạc tại khu phố A, thị trấn C hiện do ông Trần Văn T cùng các con là bà Trần Thị H2, ông Trần Minh H3 đang trực tiếp quản lý sử dụng có nguồn gốc từ ông Trần Văn L2 (ông cố ông Trần Văn T) khai khẩn để lại cho ông Trần Văn Ú, ông Trần Văn Ú chết để lại cho ông Trần Văn Đ3 và bà Trần Thị B. Lời khai này phù hợp với Tờ chia ruộng đất ngày 26/12/1930.

Quá trình khiếu nại yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân thị trấn C và Ủy ban nhân dân huyện C, như khiếu nại Quyết định số 398/QĐ-UB, ông Trần Văn T xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông Trần Văn L2 (ông cố ông Trần Văn T) khai khẩn để lại cho cha ông là Trần Văn Đ3 và cô ruột ông là bà Trần Thị B, ông cũng thể hiện vì đây là đất hương quả của bà B nên không đồng ý chia cho bà T2. Quá trình khởi kiện tại Tòa, ông T xác định phần đất tranh chấp ông có cất nhà trên đất từ năm 1972, năm 1975 ông khai hoang và tiếp tục canh tác, sử dụng ổn định và không có bất kỳ tranh chấp nào nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tự khai hoang. Người đại diện ủy quyền của ông T cho rằng tại Sổ gia đình năm 1975 do vợ ông Trần Văn T làm gia trưởng, không có tên ông Trần Văn Đ3 (ba của ông T) hay bà Trần Thị T2, mà vào thời điểm năm 1972 Sổ hộ khẩu chỉ có chủ sở hữu của khu đất đó mới được cấp là không có căn cứ.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào sự thỏa thuận của các đồng thừa kế, Quyết định 447/QĐ-UB ngày 25/7/1991 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc ban hành bản quy định về giải quyết tranh chấp đất đai tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy

ban nhân dân huyện C về việc xử lý vụ tranh chấp đất trong thân tộc giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị Đ2, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị X và ông Trần Văn T4 của Ủy ban nhân dân huyện C là hợp tình, hợp lý.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 04/01/2019, phần đất diện tích 800m^2 tại khu phố A (nay là khu phố H) thị trấn C công nhận cho bà Trần Thị T2 theo Điều 1 Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 45 theo tài liệu năm 2005; thuộc một phần thửa 123, 124 tờ bản đồ số 11 theo tài liệu năm 1992, trên phần đất 800m^2 có tài sản là căn nhà của bà Trần Thị H2 (con ruột ông Trần Văn T) và 02 ki - ốt xây dựng không phép năm 2010.

Theo tài liệu 02/CT, năm 1992 bà Trần Thị H2 có đăng ký kê khai sử dụng 459m^2 thuộc một phần thửa 123 tờ bản đồ số 11, trên phần đất này thể hiện có căn nhà nhỏ.

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 417/2008-UB-GCN ngày 19/11/2008 cấp cho bà Trần Thị H2, diện tích nhà ở là 49,1m^2 kết cấu tường gạch mái tôn, nền gạch, xây dựng năm 1990; diện tích đất là 200m^2, thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 45 theo tài liệu 2005.

Theo lời thừa nhận của các bên đương sự năm 1990, bà Trần Thị H2 có xây nhà trên phần đất diện tích 800m^2 này và sử dụng ổn định đến nay.

Do đó, Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C chưa đề cập đến quyền lợi của bà H2 là chưa đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H2.

Mặc khác, diện tích giải quyết tranh chấp nêu trong Quyết định 398/QĐ-UB chưa được đo vẽ, không xác định vị trí và diện tích chính xác dẫn đến khó thực hiện quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện xác định không có tranh chấp về dân sự.

Hiện tại chỉ có ông Trần Văn T và bà Trần Thị T2 tranh chấp phần đất 800m^2, các chi còn lại không ai tranh chấp hoặc khiếu nại Quyết định số 398/QĐ-UB. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy một phần Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C.

[3.4] Xét Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung: *"Hủy một phần Điều 1, Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C liên quan đến phần đất*

800m^2 tranh chấp giữa ông T và bà T2 tại khu phố A (nay là khu phố H), thị trấn C, giữ nguyên các nội dung khác tại Điều 1, Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C".

Tại Công văn số 539/CV-TT ngày 03/12/2013, Thanh tra Sở T5 xác định: "Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung giải quyết chưa đầy đủ, chưa đảm bảo về hình thức, việc tranh chấp phần đất 800m^2 giữa ông Trần Văn T với bà Trần Thị T2 kéo dài dẫn đến nội dung Quyết định số 398/QĐ-UB liên quan đến phần đất 800m^2 trên chưa có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, Thanh tra Sở T5 cũng lưu ý: Khi ban hành Quyết định điều chỉnh, Chủ tịch UBND huyện C cần đo đạc, đối chiếu tài liệu địa chính qua các thời kỳ để xác định chính xác vị trí ranh đất; kiểm tra nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, việc đăng ký, kê khai, đóng thuế… để xác định đúng và đủ đối tượng tranh chấp.

Như trên đã phân tích các căn cứ hủy một phần Quyết định 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 398/QĐ-UB là chưa phù hợp, không giải quyết dứt điểm phần đất 800m^2 tranh chấp giữa ông T và bà T2 tại khu phố A (nay là khu phố H), thị trấn C, không đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự.

Ngày 24/3/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điểm a Khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp năm 1994; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T:

Hủy Một phần Quyết định số 398/QĐ-UB ngày 11/10/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc xử lý vụ tranh chấp đất trong thân tộc giữa ông Trần Văn T (khu phố H thị trấn C) với bà Trần Thị Đ2, Trần Thị T2, Trần Thị T3, Trần Thị X2 và ông Trần Văn T4. Cụ thể là hủy nội dung tại khoản 6 Điều 1 về việc buộc ông Trần Văn T phải giao lại 800m^2 đất tọa lạc tại khu phố H, thị trấn C cho bà Trần Thị T2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc huỷ Quyết định số 1747/QĐ UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi Quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 28/5/2019.

3. Đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 14/CV.UB ngày 17/6/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C về việc xử lý tranh chấp đất đai giữa anh em ông Trần Văn T ngụ tại khu phố A thị trấn C.

4. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thanh Hương

HCST2020TATP-1999
1 000101 268216
06.12.2022 11:11
Trần Văn Tưng